

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công Ty
Cổ Phần
Thế Giới
Số

Digitally signed
by Công Ty Cổ
Phần Thế Giới
Số
Date:
2025.08.29
19:16:59 +07'00'



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 47

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11540875/68616286/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.785.383.774.709	7.771.702.747.632
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.149.129.413.018	1.406.664.056.957
111	1. Tiền		289.517.342.446	172.694.601.477
112	2. Các khoản tương đương tiền		859.612.070.572	1.233.969.455.480
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.255.000.000	2.255.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.255.000.000	2.255.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.845.755.467.596	2.633.978.678.549
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	2.630.622.802.952	2.372.643.972.730
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	75.222.317.569	118.263.519.581
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	77.419.166.667	53.613.663.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	65.629.781.616	91.922.128.674
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(3.138.601.208)	(2.464.605.436)
140	IV. Hàng tồn kho	9	3.515.120.611.915	3.500.841.551.213
141	1. Hàng tồn kho		3.696.660.647.989	3.628.483.449.396
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(181.540.036.074)	(127.641.898.183)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		273.123.282.180	227.963.460.913
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	14.229.723.517	18.918.911.303
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	257.186.839.932	206.834.915.351
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.706.718.731	2.209.634.259

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		559.564.237.673	727.621.646.739
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		32.598.695.277	67.287.198.903
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	32.598.695.277	67.355.660.903
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(68.462.000)
220	II. Tài sản cố định		136.363.377.668	172.006.720.681
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	61.315.105.199	67.048.743.817
222	Nguyên giá		118.326.932.447	118.765.965.977
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(57.011.827.248)	(51.717.222.160)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	75.048.272.469	104.957.976.864
228	Nguyên giá		90.660.109.270	123.710.983.526
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.611.836.801)	(18.753.006.662)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		134.845.091	2.098.953.341
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		134.845.091	2.098.953.341
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	35.616.486.823	11.510.594.509
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.802.725.740	11.510.594.509
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.233.974.607	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.420.213.524)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		354.850.832.814	474.718.179.305
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	25.619.037.622	30.505.976.293
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	26.3	86.213.092.483	92.772.007.253
268	3. Tài sản dài hạn khác		9.248.006.055	9.248.006.055
269	4. Lợi thế thương mại	13	233.770.696.654	342.192.189.704
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.344.948.012.382	8.499.324.394.371

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.222.481.593.557	5.487.325.625.083
310	I. Nợ ngắn hạn		5.219.947.964.130	5.484.791.995.656
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.902.468.449.041	2.302.534.241.609
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	137.881.180.955	159.199.365.977
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	34.004.107.164	52.348.381.540
314	4. Phải trả người lao động		25.849.641.557	36.697.621.111
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	232.606.727.265	325.302.628.259
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	22.243.799.331	122.130.638.401
320	7. Vay ngắn hạn	19	2.864.894.058.817	2.486.579.118.759
330	II. Nợ dài hạn		2.533.629.427	2.533.629.427
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	2.533.629.427	2.533.629.427
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.122.466.418.825	3.011.998.769.288
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	3.122.466.418.825	3.011.998.769.288
411	1. Vốn cổ phần		2.193.201.690.000	2.193.201.690.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.193.201.690.000	2.193.201.690.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		837.764.494.310	725.464.422.141
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		616.090.589.658	281.587.403.864
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		221.673.904.652	443.877.018.277
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		36.139.410.265	37.971.832.897
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.344.948.012.382	8.499.324.394.371

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	11.446.811.281.915	10.065.691.811.347
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(196.051.561.494)	(72.686.887.876)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	11.250.759.720.421	9.993.004.923.471
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(10.282.706.087.491)	(9.140.552.650.519)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		968.053.632.930	852.452.272.952
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	128.786.476.021	64.693.554.645
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(113.098.340.175) (61.693.983.371)	(69.765.539.330) (43.424.463.673)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	14	1.292.131.231	22.077.514
25	9. Chi phí bán hàng	23	(613.444.656.943)	(500.407.591.777)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(110.806.336.149)	(113.099.514.609)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		260.782.906.915	233.895.259.395
31	12. Thu nhập khác		12.755.454.805	2.433.831.899
32	13. Chi phí khác		(4.842.111.420)	(4.626.826.992)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác		7.913.343.385	(2.192.995.093)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		268.696.250.300	231.702.264.302
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(37.140.116.632)	(11.482.879.301)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(6.558.914.770)	(39.439.382.540)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		224.997.218.898	180.780.002.461

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

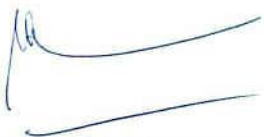
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		221.673.904.652	181.530.572.828
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		3.323.314.246	(750.570.367)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.011	831
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	1.011	831

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025


Trần Quốc Tâm
Người lập


Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng


Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		268.696.250.300	231.702.264.302
	Lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 13	27.186.097.595	25.839.292.794
03	Dự phòng		54.503.671.663	16.400.680.072
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(21.835.585.850)	(18.633.772.862)
06	Chi phí lãi vay	24	61.693.983.371	43.424.463.673
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		390.244.417.079	298.732.927.979
09	Tăng các khoản phải thu		(292.890.546.947)	(616.248.663.413)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(69.871.498.425)	97.544.481.597
11	Giảm các khoản phải trả		(529.288.219.727)	(618.690.030.453)
12	Giảm chi phí trả trước		8.396.407.430	15.716.880.408
14	Tiền lãi vay đã trả		(59.664.447.633)	(46.651.452.134)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(56.039.129.729)	(33.505.601.902)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(609.113.017.952)	(903.101.457.918)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(275.845.459)	(26.047.600.973)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	3.181.818.182
23	Tiền chi cho vay		(54.634.831.238)	(71.694.975.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		41.890.546.000	62.281.423.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(2.687.855.400)	(16.598.583.022)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		(2.332.624.623)	-
27	Lãi tiền gửi và trái phiếu		32.001.828.008	12.132.532.827
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		13.961.217.288	(36.745.384.986)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
32	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền chi trả mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(30.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	19	6.589.165.532.605	5.686.986.695.309
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(6.141.964.025.880)	(5.363.903.210.022)
36	Cổ tức đã trả	20.1	(109.584.350.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		337.617.156.725	323.053.485.287
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(257.534.643.939)	(616.793.357.617)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		1.406.664.056.957	1.450.368.646.470
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	1.149.129.413.018	833.575.288.853

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Trần Quốc Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 781 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 907).

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Nhóm Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2024: hai (2) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết) như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh		Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Lợi ích	Quyền biểu quyết	Lợi ích	Quyền biểu quyết	Lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty con trực tiếp							
(1) Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	-	-	-	-
(2) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X")	Thành phố Hồ Chí Minh	90	90	90	90	90	90
(3) Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture ("Venture") (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	19	19	100	100	100	100
Công ty con gián tiếp							
(1) Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology ("1 Digital")	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	100	100	100	100
(2) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L ("C.L")	Thành phố Hồ Chí Minh	99,15	99,15	99,15	99,15	99,15	99,15
(3) Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina ("Bellvina")	Thành phố Hồ Chí Minh	76,99	76,99	76,99	76,99	76,99	76,99
(4) Công ty TNHH Một Thành Viên Dpharma ("Dpharma")	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	100	100	100	100
(5) Công ty Cổ phần Achison ("Achison")	Thành phố Hồ Chí Minh	76,99	76,99	75	75	75	75
(6) Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	90	90	90	90	90	90

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Nhóm Công ty có hai (2) công ty con trực tiếp, sáu (6) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2024: hai (2) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết) như sau (tiếp theo):

Công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			Lợi ích	Quyền biểu quyết	Lợi ích	Quyền biểu quyết
			%	%	%	%
Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
(7) Công ty Cổ phần Việt Money Holdings ("Viet Money Holdings") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	19	19	79,12	79,12
(8) Công ty Cổ phần Việt Money ("Viet Money") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ cầm đồ	19	19	79,12	79,17
(9) Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land ("Viet Land") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	19	19	79,12	79,12
(10) Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies ("Viet Technologies") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, gia công phần mềm	19	19	79,12	79,12

Công ty liên kết

- | | | | | | | |
|---|-----------------------|---------------------|-------|-------|-------|-------|
| (1) Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín ("Đại Tín") | Thành phố Hồ Chí Minh | Phân phối dược phẩm | 36,01 | 36,01 | 36,01 | 36,01 |
|---|-----------------------|---------------------|-------|-------|-------|-------|
- (i) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách công ty thành 2 công ty bao gồm Venture và Nexta theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta.
- Sau khi chia tách công ty, Nexta sở hữu 1 Digital, C.L, Bellvina, Dpharma, Achison và Đại Tín. Venture sở hữu Viet Money Holdings, Viet Money, Viet Land và Viet Technologies.
- (ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 09A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% phần vốn góp của Công ty tại Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture không còn là công ty con của Nhóm Công ty tại ngày này.
- (iii) Đây là các công ty con của Venture.
- (iv) Đây là công ty con của B2X.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân giá quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và các tài liệu kế toán cấu thành kết thúc cùng ngày.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	2 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất giữa niên độ thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được hoàn tất việc cung cấp.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ này và kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.20 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 Mua thêm sở hữu trong công ty con hiện hữu - Achison

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2025, Nhóm Công ty đã mua thêm 1,99% sở hữu vào Achison, tăng phần sở hữu thành 76,99% vào ngày này. Giá mua thêm 2.687.855.400 VND được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông không kiểm soát. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Achison (không bao gồm lợi thế thương mại từ nghiệp vụ mua lần đầu) tại ngày mua là 147.152.490.905 VND, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm là 2.928.334.569 VND. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ (tiếp theo)

4.2 Thoái vốn và mất quyền kiểm soát Công ty con – Venture

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 09A/2025/NQ-HĐQT của Công ty, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% tỷ lệ sở hữu của Venture cho nhà đầu tư khác, với giá phí là 90.000.000.000 VND. Vào ngày 25 tháng 4 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 cập nhật thay đổi về chủ sở hữu của Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture không còn là công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Venture và các công ty con của Venture tại ngày thoái vốn được trình bày dưới đây.

	VND
<i>Giá trị ghi sổ tại ngày thoái vốn</i>	
Tài sản	198.217.631.879
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.332.624.623
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.121.706.238
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.509.366.898
Trả trước cho người bán ngắn hạn	816.095.357
Phải thu về cho vay ngắn hạn	54.703.642.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.605.552.535
Hàng tồn kho	1.694.299.832
Chi phí trả trước ngắn hạn	234.414.721
Thuế GTGT được khấu trừ	4.552.867.265
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.430.217.227
Phải thu dài hạn khác	2.152.848.700
Tài sản cố định hữu hình	279.139.191
Tài sản cố định vô hình	26.526.671.571
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.058.044.250
Chi phí trả trước dài hạn	945.304.306
Lợi thế thương mại	90.254.837.165
Nợ phải trả	75.917.802.817
Phải trả người bán ngắn hạn	3.458.149.070
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	639.070.540
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	256.579.866
Phải trả người lao động	1.015.159.616
Chi phí phải trả ngắn hạn	545.569.119
Phải trả ngắn hạn khác	1.116.707.939
Vay ngắn hạn	68.886.566.667
Tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần tại ngày thoái vốn	122.299.829.062
Phần sở hữu của Tập đoàn trong tổng giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con	97.258.665.670
Giá chuyển nhượng	90.000.000.000
Lỗ thoái vốn công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	(7.258.665.670)
	VND
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc thoái vốn tại công ty con	
Tiền thu về từ thoái vốn công ty con	-
Số dư tiền của công ty con tại ngày thoái vốn	2.332.624.623
Khoản tiền thuần thu vào từ thoái vốn công ty con được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	(2.332.624.623)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	758.034.529	1.086.301.185
Tiền gửi ngân hàng	288.759.307.917	171.608.300.292
Các khoản tương đương tiền (*)	859.612.070.572	1.233.969.455.480
TỔNG CỘNG	1.149.129.413.018	1.406.664.056.957

- (*) Các khoản tương đương tiền vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm:
- Các khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 23.176.932.438 VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn không quá ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng; và
 - Các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu ngân hàng trị giá 836.435.138.134 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,1%/ năm đến 6,1%/ năm. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư này đã được mua lại bởi các công ty chứng khoán.

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ:		
Cần trừ theo Thỏa thuận Giải quyết các khoản vay	90.000.000.000	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	632.899.233.380	492.303.764.723
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	190.108.576.460	66.817.044.632
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Kỹ thuật Diệu Phúc	156.536.753.044	62.244.081.242
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Thương mại Hoàng Hà	106.530.875.103	158.614.064.153
Khác	1.544.547.364.965	1.592.665.017.980
TỔNG CỘNG	2.630.622.802.952	2.372.643.972.730
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.138.601.208)	(2.464.605.436)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.627.484.201.744	2.370.179.367.294
Trong đó:		
Phải thu bên khác	2.595.650.462.992	2.346.349.133.147
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	34.972.339.960	26.294.839.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TNHH Công nghệ Huawei	37.146.184.762	49.401.619.614
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	13.315.818.856	-
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại		
Dịch vụ Vĩnh Kiên Thịnh	8.499.923.684	15.965.825.954
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	1.880.351.878	7.999.686.608
Khác	14.380.038.389	44.896.387.405
TỔNG CỘNG	75.222.317.569	118.263.519.581

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu bên khác	77.419.166.667	53.613.663.000

Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đến hạn	Hình thức Lãi suất đảm bảo
	VND		%/ năm
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	77.419.166.667	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	Từ 10 Tin chấp đến 12

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 09A/2025/NQ-HĐQT của Công ty, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("Venture") cho nhà đầu tư khác, với giá phí là 90.000.000.000 VND. Vào ngày 25 tháng 4 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 cập nhật thay đổi về chủ sở hữu của Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture, bao gồm Công ty Cổ phần Việt Money, không còn là công ty con của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	65.629.781.616	91.922.128.674
Chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp	32.906.993.850	36.868.456.644
Đặt cọc, ký quỹ	13.298.582.299	3.893.868.107
Phải thu lãi trái phiếu	3.602.493.210	7.802.200.929
Tạm ứng cho nhân viên	1.050.061.684	4.909.517.744
Khác	14.771.650.573	38.448.085.250
Dài hạn	32.598.695.277	67.355.660.903
Đặt cọc, ký quỹ	32.598.695.277	67.355.660.903
TỔNG CỘNG	98.228.476.893	159.277.789.577

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa	3.111.495.045.051	2.945.152.065.257
Hàng mua đang đi đường	558.540.210.929	634.211.343.786
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.837.385.970	45.468.368.486
Hàng gửi đi bán	7.788.006.039	3.651.671.867
TỔNG CỘNG	3.696.660.647.989	3.628.483.449.396
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(181.540.036.074)	(127.641.898.183)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.515.120.611.915	3.500.841.551.213

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	127.641.898.183	126.995.928.668
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	113.864.806.609	71.020.769.353
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(59.966.668.718)	(54.742.155.922)
Số cuối kỳ	181.540.036.074	143.274.542.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	14.229.723.517	18.918.911.303
Chi phí hoạt động	7.474.271.378	12.338.836.767
Chi phí thuê	5.929.320.527	5.953.482.479
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	787.060.607	602.091.077
Khác	39.071.005	24.500.980
Dài hạn	25.619.037.622	30.505.976.293
Chi phí hoạt động	21.933.839.623	11.192.424.251
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.697.876.092	9.290.017.955
Khác	987.321.907	10.023.534.087
TỔNG CỘNG	39.848.761.139	49.424.887.596



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	43.295.547.439	6.865.737.691	63.891.510.782	4.713.170.065	118.765.965.977
Mua mới	-	-	-	181.909.459	181.909.459
Giảm do thanh lý công ty con	-	(110.000.000)	(293.067.000)	-	(403.067.000)
Thanh lý	-	(52.575.989)	-	(165.300.000)	(217.875.989)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	43.295.547.439	6.703.161.702	63.598.443.782	4.729.779.524	118.326.932.447
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	6.307.967.258	9.037.770.710	2.751.257.731	18.096.995.699
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(14.173.522.113)	(6.527.816.900)	(27.642.198.865)	(3.373.684.282)	(51.717.222.160)
Khấu hao trong kỳ	(886.747.438)	(229.881.910)	(4.265.725.780)	(254.053.758)	(5.636.408.886)
Giảm do thanh lý công ty con	-	44.381.952	79.545.857	-	123.927.809
Thanh lý	-	52.575.989	-	165.300.000	217.875.989
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(15.060.269.551)	(6.660.740.869)	(31.828.378.788)	(3.462.438.040)	(57.011.827.248)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	29.122.025.326	337.920.791	36.249.311.917	1.339.485.783	67.048.743.817
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	28.235.277.888	42.420.833	31.770.064.994	1.267.341.484	61.315.105.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	58.925.624.022	64.785.359.504	123.710.983.526
Giảm do thanh lý công ty con	-	(33.050.874.256)	(33.050.874.256)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	58.925.624.022	31.734.485.248	90.660.109.270
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	1.543.447.842	2.194.005.963	3.737.453.805
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(18.753.006.662)	(18.753.006.662)
Giảm do thanh lý công ty con	-	6.524.202.685	6.524.202.685
Hao mòn trong kỳ	-	(3.383.032.824)	(3.383.032.824)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	(15.611.836.801)	(15.611.836.801)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	58.925.624.022	46.032.352.842	104.957.976.864
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	58.925.624.022	16.122.648.447	75.048.272.469

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất các công ty con				VND
	C.L	Achison	Việt Money Holdings	B2X	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.752.799.715	274.466.587.343	106.182.161.370	30.022.649.952	416.424.198.380
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(106.182.161.370)	-	(106.182.161.370)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	5.752.799.715	274.466.587.343	-	30.022.649.952	310.242.037.010
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(4.314.599.790)	(54.893.317.468)	(13.272.770.171)	(1.751.321.247)	(74.232.008.676)
Phân bổ trong kỳ	(287.639.986)	(13.723.329.367)	(2.654.554.034)	(1.501.132.498)	(18.166.655.885)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	15.927.324.205	-	15.927.324.205
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(4.602.239.776)	(68.616.646.835)	-	(3.252.453.745)	(76.471.340.356)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.438.199.925	219.573.269.875	92.909.391.199	28.271.328.705	342.192.189.704
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.150.559.939	205.849.940.508	-	26.770.196.207	233.770.696.654

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty có các công ty liên kết như sau:

Hoạt động kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Giá trị		Tỷ lệ	Giá trị		Tỷ lệ
	Sở hữu	Quyền biểu quyết		Sở hữu	Quyền biểu quyết	
	VND	%	%	VND	%	%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín ("Đại Tín")	Phân phối dược phẩm	12.802.725.740	36,01	36,01	11.510.594.509	36,01
						36,01

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	VND
	Đại Tín
Giá gốc khoản đầu tư:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 30 tháng 6 năm 2025	9.879.000.000
Phân lãi lũy kế sau khi mua công ty liên kết:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.631.594.509
Phân lãi từ các công ty liên kết	1.292.131.231
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	2.923.725.740
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	11.510.594.509
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	12.802.725.740

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ
	VND	VND	VND	Quyền Lợi biểu ích quyết	VND	VND	VND	Quyền Lợi biểu ích quyết
Công ty TNHH Digiworld Venture (i)	40.233.974.607	(17.420.213.524)	22.813.761.083	19	-	-	-	-

- (i) Công ty TNHH Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 – 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Venture là công ty con 100% của Công ty. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách công ty thành 2 công ty bao gồm Venture và Nexta theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta.
- Theo Nghị quyết HĐQT số 09A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% phần vốn góp của Công ty tại Venture cho nhà đầu tư khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Venture giảm xuống còn 19%.
- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do các khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Asus Global Pte. Ltd.	431.262.043.295	287.085.228.098
Công ty TNHH Apple Việt Nam	417.827.144.228	800.527.864.819
Xiaomi H.K Limited	183.498.417.576	734.865.076.000
Khác	869.880.843.942	480.056.072.692
TỔNG CỘNG	<u>1.902.468.449.041</u>	<u>2.302.534.241.609</u>

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Xiaomi H.K Limited	85.161.938.439	88.677.562.487
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Sơn Hà	18.121.800.000	18.121.800.000
Khác	34.597.442.516	52.400.003.490
TỔNG CỘNG	<u>137.881.180.955</u>	<u>159.199.365.977</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do thanh lý công ty con	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	224.843.613	-	-	-	224.843.613
Thuế giá trị gia tăng	206.834.915.351	1.702.439.052.396	(1.647.534.260.550)	(4.552.867.265)	257.186.839.932
Thuế xuất, nhập khẩu	690.203.805	22.016.263.716	(21.440.418.818)	-	1.266.048.703
Khác	1.294.586.841	466.615.206	(115.158.405)	(1.430.217.227)	215.826.415
TỔNG CỘNG	209.044.549.610	1.724.921.931.318	(1.669.089.837.773)	(5.983.084.492)	258.893.558.663
Phải trả					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.954.171.830	37.140.116.632	(56.039.129.729)	-	31.055.158.733
Thuế thu nhập cá nhân	1.282.980.530	8.637.500.648	(7.400.807.723)	(113.945.420)	2.405.728.035
Thuế giá trị gia tăng	800.738.093	1.671.617.484.003	(1.671.997.353.845)	-	420.868.251
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.139.972.569	(1.139.972.569)	-	-
Khác	310.491.087	1.851.817.993	(1.897.322.489)	(142.634.446)	122.352.145
TỔNG CỘNG	52.348.381.540	1.720.386.891.845	(1.738.474.586.355)	(256.579.866)	34.004.107.164

W&A Z H 10.8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	222.108.558.097	302.220.568.980
Chi phí hoạt động	5.953.268.416	15.731.707.278
Chi phí lãi vay	3.925.349.864	1.895.814.126
Khác	619.550.888	5.454.537.875
TỔNG CỘNG	232.606.727.265	325.302.628.259

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	22.243.799.331	122.130.638.401
Chi trả hộ	11.424.959.416	19.270.182.199
Ký quỹ	3.377.516.651	92.944.224.106
Bảo hiểm	3.243.323.838	3.334.375.420
Khác	4.197.999.426	6.581.856.676
Dài hạn	2.533.629.427	2.533.629.427
Nhận ký quỹ, ký cược	2.533.629.427	2.533.629.427
TỔNG CỘNG	24.777.428.758	124.664.267.828

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giảm do thanh lý công ty con	VND
Vay ngắn hạn	2.486.579.118.759	6.589.165.532.605	(6.141.964.025.880)	(68.886.566.667)	2.864.894.058.817

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm
	VND		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1	639.338.275.412	Từ ngày 24 tháng 8 năm 2025 đến ngày 29 tháng 9 năm 2025	4,3
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	521.102.232.398	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2025 đến ngày 22 tháng 9 năm 2025	Từ 4,2 đến 4,4
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	568.041.201.607	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2025 đến ngày 27 tháng 7 năm 2025	4,45
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	348.245.463.639	Ngày 14 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025	4,2
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	309.622.977.507	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2025 đến ngày 29 tháng 9 năm 2025	Từ 4,2 đến 4,4
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	260.614.909.885	Ngày 15 tháng 9 năm 2025	4,5
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank	133.207.516.045	Ngày 11 tháng 9 năm 2025	4,4
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	70.124.086.246	Ngày 3 tháng 9 năm 2025	4,5
Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK	12.597.396.078	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 3 tháng 9 năm 2025	4,5
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Sài Gòn	2.000.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2025 đến ngày 27 tháng 8 năm 2025	4,3

TỔNG CỘNG	2.864.894.058.817
------------------	--------------------------



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
							VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.672.244.430.000	61.233.761.416	(6.439.937.166)	400.000.000	866.943.855.710	32.468.326.330	2.626.850.436.290
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	181.530.572.828	(750.570.367)	180.780.002.461
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	(197.000.000)	-	197.000.000	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(30.000.000)	-	-	-	(30.000.000)
Khác	-	-	-	-	-	11.827.892	11.827.892
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.672.047.430.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	1.048.474.428.538	32.356.292.774	2.808.238.975.562



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	2.193.201.690.000	1.672.244.430.000
Giảm vốn	-	(197.000.000)
Số cuối kỳ	<u>2.193.201.690.000</u>	<u>1.672.047.430.000</u>

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu đã được duyệt	219.320.169	219.320.169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	219.320.169	219.320.169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>219.320.169</i>	<i>219.320.169</i>
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(151.469)</i>	<i>(151.469)</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	219.168.700	219.168.700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>219.168.700</i>	<i>219.168.700</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng doanh thu:	11.446.811.281.915	10.065.691.811.347
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	11.152.834.095.613	9.879.506.181.016
Doanh thu cung cấp dịch vụ	293.977.186.302	186.185.630.331
Các khoản trừ doanh thu:	(196.051.561.494)	(72.686.887.876)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(184.778.443.425)	(62.208.879.204)
Hàng bán bị trả lại	(11.273.118.069)	(10.478.008.672)
DOANH THU THUẦN	11.250.759.720.421	9.993.004.923.471
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	10.956.783.148.664	9.806.847.061.140
Doanh thu cung cấp dịch vụ	293.976.571.757	186.157.862.331
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	11.182.834.798.935	9.955.606.447.540
Doanh thu đối với bên liên quan	67.924.921.486	37.398.475.931

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	40.536.634.294	21.787.384.052
Chiết khấu thanh toán	30.800.589.507	21.731.099.438
Lãi do thanh lý chứng khoán kinh doanh	29.480.481.193	2.728.260.000
Lãi tiền gửi và trái phiếu	27.802.120.289	15.322.468.289
Khác	166.650.738	3.124.342.866
TỔNG CỘNG	128.786.476.021	64.693.554.645

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.053.584.085.184	8.987.331.581.888
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	229.122.002.307	153.221.068.631
TỔNG CỘNG	10.282.706.087.491	9.140.552.650.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
		VND
Chi phí bán hàng	613.444.656.943	500.407.591.777
Chi phí hỗ trợ bán hàng	477.391.079.177	373.214.703.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.763.432.433	38.885.984.083
Chi phí nhân viên	42.868.673.930	47.472.004.785
Chi phí vận chuyển	20.155.040.371	18.925.700.183
Khác	5.266.431.032	21.909.199.205
Chi phí quản lý doanh nghiệp	110.806.336.149	113.099.514.609
Chi phí nhân viên	47.514.177.355	52.753.729.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.749.500.195	19.740.799.837
Khác	40.542.658.599	40.604.985.761
TỔNG CỘNG	724.250.993.092	613.507.106.386

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
		VND
Chi phí lãi vay	61.693.983.371	43.424.463.673
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	24.182.540.193	11.089.020.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.949.464.006	13.730.559.489
Lỗ do thanh lý công ty con	7.258.665.670	-
Khác	7.013.686.935	1.521.496.168
TỔNG CỘNG	113.098.340.175	69.765.539.330

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
		VND
Giá mua hàng hóa và dịch vụ	10.282.706.087.491	9.140.552.650.519
Chi phí hỗ trợ bán hàng	477.391.079.177	373.214.703.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.667.972.999	77.680.088.651
Chi phí nhân viên	90.382.851.285	100.225.733.796
Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 11, 12 và 13)	27.186.097.595	25.839.292.794
Khác	18.622.992.036	36.547.287.624
TỔNG CỘNG	11.006.957.080.583	9.754.059.756.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.118.297.048	11.482.879.301
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	21.819.584	-
	37.140.116.632	11.482.879.301
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	6.558.914.770	39.439.382.540
TỔNG CỘNG	43.699.031.402	50.922.261.841

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
nhận với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
		VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	268.696.250.300	231.702.264.302
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	53.739.250.060	46.340.452.860
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ thuế trong kỳ của các công ty con chưa ghi nhận thuế hoãn lại	35.449.999	1.940.726.551
Chi phí không được trừ	1.119.404.859	1.443.275.028
Phân bổ lợi thế thương mại	3.633.331.177	3.914.053.234
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(258.426.246)	(4.415.503)
Sử dụng lỗ tính thuế chuyển sang từ những năm trước	(26.737.252)	(3.396.923.129)
Thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	21.819.584	-
Khác	(14.565.060.779)	685.092.800
Chi phí thuế TNDN	43.699.031.402	50.922.261.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Sau đây là các tài sản thuế thu nhập hoãn lại được Nhóm Công ty ghi nhận và biến động trong đó, trong kỳ hiện tại và các kỳ trước:

		VND	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Chi phí phải trả	49.717.980.148	67.243.627.616	(17.525.647.468) (42.592.814.918)
Dự phòng hàng tồn kho	36.495.112.335	25.528.379.637	10.966.732.698 3.153.432.378
	86.213.092.483	92.772.007.253	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(6.558.914.770) (39.439.382.540)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kien Phương	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên HĐQT/ Thành viên ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Created Future	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DHV	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV TOHT	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
			VND	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	66.749.160.516 1.175.760.970	37.013.887.121 384.588.810
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT	Thuê nhà	30.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu bên liên quan như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	34.972.339.960	26.294.839.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Thù lao	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	92.937.000	89.814.000
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	94.623.000	91.440.000
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	89.055.000	86.058.000
Ông Shekhar Himanshu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 9 năm 2024)	-	543.538.913
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG		396.615.000	930.850.913

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	221.673.904.652	181.530.572.828
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân dùng để tính lãi trên cổ phiếu	219.168.700	218.360.706
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1.011	831

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ này và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	60.698.407.255	39.265.410.270
Từ 1 năm đến 5 năm	109.754.147.163	181.664.113.225
Trên 5 năm	1.636.076.846	4.340.222.931
TỔNG CỘNG	172.088.631.264	225.269.746.426

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch